

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2022/HS-PT

Ngày 26-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Đức Hòa

Ông Trần Minh Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hùng Cường– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 128/2022/TLPT-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với 26 bị cáo, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2022/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 2000 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Nghề nghiệp: làm hồ; Cha là Nguyễn Văn Qu, mẹ là Lê Thị X.M; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC ngày 13/12/2019 của Công an huyện L xử phạt Nguyễn Văn T số tiền 2.500.000đ về hành vi tàng trữ dao tự chế nhằm gây thương tích cho người khác. Ngày 07/01/2020, T đã nộp phạt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

2. **Nguyễn Thành Ph**, sinh năm 2002 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Cha là Nguyễn Văn M, mẹ là Bạch Thị L;

Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

3. **Nguyễn Minh Ch**, sinh ngày 07/6/2003 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: không; Cha là Nguyễn Văn Đ, mẹ là Nguyễn Thị D; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

4. **Lê Hải D**, sinh năm 2001 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: phụ hồ; Cha là Lê Văn T, mẹ là Nguyễn Thị Th; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

5. **Đỗ Phương N**, sinh năm 2002 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: phụ hồ; Cha là Đỗ Văn Ph, mẹ là Nguyễn Thị M; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

6. **Trần Tiến T1**, sinh năm 2002 tại tỉnh Đồng Nai. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Cha là Trần Nguyên T, mẹ là Nguyễn Thị T; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

7. **Phạm Minh Q**, sinh năm 2001 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: không; Cha là Phạm Minh D, mẹ là Trịnh Ái N; Vợ là Đỗ Tâm Nh, có 01 con sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

8. **Trần Văn Th**, sinh năm 2002 tại tỉnh Bến Tre. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Cha là Nguyễn Văn H, mẹ là Trần Thị U; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

9. **Dương Hoàn Tr**, sinh ngày 14/7/2004 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Cha là Dương Kim Th, mẹ là Lê Thị Ngọc H; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

10. **Huỳnh Thanh Tr1**, sinh ngày 01/12/2003 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: công nhân; Cha là Huỳnh Thanh Tr, mẹ là Phạm Thị L; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

11. **Trần Đình Huy H**, sinh ngày 16/10/2004 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Cha là Trần Phi H, mẹ là Đình Thị Kim H; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

12. **Nguyễn Trung Th**, sinh ngày 12/5/2005 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú: thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chỗ ở: thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Nghề nghiệp: không; Cha là Nguyễn Ngọc S, mẹ là Trần Thị Ph; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

13. **Nguyễn Trần Ng**, sinh ngày 24/3/2005 tại tỉnh Bình Định. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Nghề nghiệp: không; Cha là Nguyễn Thanh T, mẹ là Trần Thị Đ (đã chết); Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

14. **Trần Thanh H1**, sinh ngày 31/01/2005 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: làm hồ; Cha là Trần Thanh S, mẹ là Nguyễn Thị Ph; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

15. **Nguyễn Tấn S**, sinh ngày 20/02/2004 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Nghề nghiệp: không; Cha là Nguyễn Hùng D, mẹ là Huỳnh Thúy H; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

16. **Nguyễn Đàm V.N**, sinh ngày 21/5/2004 tại tỉnh Nam Định. Hộ khẩu thường trú: huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chỗ ở: huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: không; Cha là Nguyễn Văn T, mẹ là Đàm Thị T; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 12/2022/HS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt Nguyễn Đàm V.N 08 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/4/2022.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 06/4/2022 tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bị cáo có mặt).

17. **Lê Anh L**, sinh ngày 02/8/2003 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp

9/12; Nghề nghiệp: học nghề; Cha là Lê Văn L, mẹ là Trần Thị L; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

18. **Giáp Kim H**, sinh ngày 09/3/2004 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Nghề nghiệp: không; Cha là Nguyễn Kim H, mẹ là Giáp Kim H; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

19. **Lê Trọng Ng**, sinh ngày 12/12/2003 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: không; Cha là Lê Xuân H, mẹ là Nguyễn Thị T.T; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

20. **Nguyễn Minh T2**, sinh ngày 15/12/2004 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Nghề nghiệp: làm hồ; Cha là Nguyễn Văn T, mẹ là Nguyễn Thị Ph; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

21. **Đào Văn H**, sinh ngày 03/9/2003 tại thành phố Hải Phòng. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: công nhân; Cha là Đào Văn T, mẹ là Cao Thị M; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

22. **Huỳnh Thế N1**, sinh ngày 03/02/2004 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: công nhân; Cha là Nguyễn Hữu Ph, mẹ là Huỳnh Thị N.A;

Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

23. **Lương Bảo Kh**, sinh ngày 30/3/2004 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: không; Cha là Lương Hoài B, mẹ là Nguyễn Thị Bạch T; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 53/2022/HS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa xử phạt Lương Bảo Kh 3 năm, 6 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

24. **Mã Gia K**, sinh ngày 09/12/2003 tại tỉnh Bình Thuận. Hộ khẩu thường trú: huyện T, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: không; Cha là Mã Văn Qu, mẹ là Trần Thị Ph; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

25. **Huỳnh Trung H**, sinh ngày 20/8/2003 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Cha là Huỳnh Văn H, mẹ là Phan Thị Ngọc H; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

26. **Huỳnh Quốc Kh**, sinh ngày 02/9/2004 tại tỉnh Hậu Giang. Hộ khẩu thường trú: huyện C, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở: huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Nghề nghiệp: không; Cha là Huỳnh Quốc C, mẹ là Nguyễn Thị Ngọc B; Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung Th: Luật sư Vũ Thị P.T, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt, có bài bào chữa).

2. Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh H: Luật sư Trần Anh D, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt);

3. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trần Ng: Luật sư Trần Anh D, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt) và luật sư Huỳnh Ngọc H - Văn phòng luật sư HH, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

4. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T, Huỳnh Thế N: Luật sư Trương Thị Th.T, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt).

5. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đàm Vũ Nh: Luật sư Trần Đức H - Công ty Luật TNHH VT, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:

1. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trung Th: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1971 (vắng mặt) và bà Trần Thị Ph, sinh năm 1974 (có mặt); cùng địa chỉ: thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trần Ng: Ông Nguyễn Thanh V, địa chỉ: thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

3. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Thanh H: Ông Trần Thanh S, sinh năm 1976 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1975 (có mặt), cùng địa chỉ: huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Minh T: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (có mặt) và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1971 (vắng mặt); cùng địa chỉ: huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngoài ra, trong vụ án còn các bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước với Trần Thị L.Nh nên vào khoảng 16 giờ ngày 08/7/2021, Trần M điện thoại hẹn Nh đi đến khu vực ruộng muối thuộc xã A, huyện L để đánh nhau, Nh đồng ý. Để có thêm lực lượng đi đánh nhau, M rủ Đặng Thái H, Trần Tiến T, Trần Thanh S, Nguyễn Thành Ph, Lê Tuấn Tr, Cao Quốc C, Đào Văn H, Đinh Đức Tr, Lê Quang V, Đặng Thành H, Ngô Đặng Đức D, Trần Đình Huy H, Nguyễn Tấn Mi, Lê Minh H, Nguyễn Quang V, Nguyễn Phước Th và Huỳnh Trung H đi giúp M đánh nhau với nhóm của Nh. Tất cả đều

đồng ý và hẹn gặp nhau tại khu vực trường bắn xã P, huyện L.

Sau đó:

- Đặng Thái H rủ Vương Văn Q và Mai Văn C.
- Trần Tiến T rủ Vương Quốc B.
- Đinh Đức Tr rủ Nguyễn Đàm Vũ N, Trần Văn H, Huỳnh Văn G, Giáp Kim H, Lưu Quang Tr và Hồ Văn Ph.
- Mai Văn C rủ Nguyễn Duy T và Huỳnh Bửu T.
- Nguyễn Duy T rủ Trần Văn Th, Nguyễn Hoàng B.A và Dương Hoàn Tr.
- Hồ Văn Ph rủ Nguyễn Minh Đ, Trần Huy H và Nguyễn Phú Q.
- Lê Tuấn Tr rủ Nguyễn Văn T, Võ Thành Ph và Huỳnh Thanh H.
- Dương Hoàng Tr rủ Vũ Văn T.
- Vũ Văn T rủ Nguyễn Văn Đ.
- Cao Quốc C rủ Nguyễn Hữu Tr.
- Trần Đình H.H rủ Phan Trường V, Nguyễn Minh Ch, Đỗ Phương N, Mã Gia K và Lê Anh L.
- Phan Trường V rủ Nguyễn Tấn S, Phạm Minh Kh, Huỳnh Thanh Tr và Lê Trọng Ngh,
- Nguyễn Phước Th rủ Lương Bảo Kh.
- Nguyễn Hoàng B.A rủ Nguyễn Trọng Ph, Lê Trần Tuấn Th, Lê Thanh T và Cổ Tấn T. H.
- Đặng Thanh H rủ Nguyễn Văn Th, Trần Thanh X và Huỳnh Thế N.
- Phạm Minh Kh rủ Trương Bửu Nh.
- Ngô Đặng Đ.D rủ Phạm Hưng G.H và Nguyễn Minh T.
- Huỳnh Trung H rủ Phạm Văn Nh.
- Lê Anh L rủ Nguyễn Trung Th.
- Nguyễn Tấn S rủ Lê Hải D, Nguyễn Huỳnh A và Phạm Minh Q.
- Phạm Hưng G.H rủ Huỳnh Quốc K.
- Cổ Tấn T.H rủ Vũ Hoàng Ph.
- Vũ Hoàng Ph rủ Lê Tuấn H.
- Lê Tuấn H rủ thêm Nguyễn Trường H và Nguyễn Trần Ng.
- Nguyễn Trần Ng rủ Nguyễn Hoàng L.
- Nguyễn Huỳnh A rủ Trần Thanh H.

Cùng tham gia với nhóm của M để đi đánh nhau. Tất cả đều đồng ý.

Để có hung khí đánh nhau, Đặng Thái H đi đến nhà của Trần Quang Nh lấy bao hung khí bên trong có khoảng 10 cây hung khí gồm dao phóng lộn, cây

ba chĩa, dao tự chế... đem đến khu vực trường bắn để trong bụi cây và đợi nhóm người của Trần M đến. Vũ Văn T chở Nguyễn Văn Đ đi vào khu vực tái định cư thị trấn L, huyện L lấy 01 cây dao phóng lộn mang theo.

Đến khoảng 19 giờ đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, Trần M, Đặng Thái H, Lê Quang V, Nguyễn Đàm V.N, Đinh Đức Tr, Lê Tuấn Tr, Cao Quốc C, Trần Văn Th, Trần Thanh S, Trần Văn H, Lưu Quang Tr, Dương Hoàng Tr, Vũ Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh Đ, Trần Huy H, Nguyễn Phú Qu, Nguyễn Hữu Tr, Vương Văn Q, Mai Văn C, Trần Tiến T, Vương Quốc B, Huỳnh Văn G, Giáp Kim H, Hồ Văn Ph, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thành Ph, Võ Thành Ph, Đào Văn H, Huỳnh Bửu T, Nguyễn Duy T tập trung tại khu vực Trường bắn huyện L. Tại đây, Đặng Thái H đi đến bụi cây lấy ra số hung khí cất giấu trước đó, đem ra và để xuống đất cho mọi người lấy cầm theo. Khi đi, Lê Quang V điều khiển xe mô tô biển số 72K1-091.XX chở Trần M cầm theo 01 cây kiếm ông (cây kiếm do M đem từ nhà đi) và 01 cây dao phóng lộn; Đào Văn H điều khiển xe mô tô biển số 72K1.611.XX chở Võ Thành Ph cầm 01 cây sắt vát nhọn đầu; Trần Thanh S điều khiển xe mô tô biển số 72K1-675.XX (xe của Nguyễn Thành Ph) chở Đặng Thái H và Nguyễn Thành Ph, H cầm 01 cây dao phóng lộn; Nguyễn Quang V điều khiển xe mô tô biển số 72K1-008.xx chở Dương Hoàng Tr cầm theo 01 cây dao phóng lộn; Lưu Quang Tr điều khiển xe mô tô biển số 72K1-194.xx (xe của Trần Văn H) chở Trần Văn H cầm 01 cây dao tự chế; Vũ Văn T điều khiển xe mô tô biển số 72K1-427.XX chở Nguyễn Văn Đ; Huỳnh Bửu T điều khiển xe mô tô biển số 72H1-329.XX chở Mai Văn C; Trần Văn Th điều khiển xe mô tô biển số 72K1-200.XX chở Nguyễn Duy T và Vương Văn Q, Q cầm 01 cây dao phóng lộn; Vương Quốc B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không rõ biển số (xe B mượn của người bạn tên Th không rõ nhân thân, lai lịch) chở Trần Tiến T cầm 01 cây dao tự chế; Nguyễn Đàm V.N điều khiển xe mô tô biển số 72K1-665.XX (xe của Đinh Đức Tr) chở Đinh Đức Tr và Lê Tuấn Tr1, Tr1 cầm 01 cây dao phóng lộn, Tr cầm 01 cây dao phóng lộn; Trần Huy H điều khiển xe mô tô biển số 72K1-400.XX chở Hồ Văn Ph và 01 một người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) cầm theo 01 cây dao tự chế; Huỳnh Thanh H điều khiển xe mô tô biển số 72K1-451.XX chở Nguyễn Văn T không cầm theo hung khí; Nguyễn Minh Đ điều khiển xe mô tô biển số 72K1-443.XX chở Nguyễn Phú Q cầm 01 cây dao phóng lộn; Nguyễn Hữu Tr điều khiển xe mô tô biển số 72K1-644.XX chở Huỳnh Văn G và Cao Quốc C cầm 01 cây ba chĩa; Lê Minh H điều khiển xe mô tô không rõ loại và biển số (xe H mượn của một người tên Tèo không rõ nhân thân, lai lịch) chở Giáp Kim H không cầm hung khí. Sau đó, Tất cả cùng điều khiển xe mô tô chở nhau và cầm hung khí chạy từ khu vực Trường bắn qua Nghĩa trang K thuộc xã P rồi qua xã T rồi đến khu vực gần Trung tâm Y tế huyện L và Ngã 3 Chợ xã A. Trên đường đi cả nhóm chạy xe thành đoàn dài, dàn hàng ngang trên đường, lạng lách, lấn lán, la hét, nẹt pô, bóp kèn, người cầm hung khí thì đưa lên trời làm người đi đường phải né, nhường đường.

Cùng thời điểm này:

- Lương Bảo Kh điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, không rõ biển số (xe của Nguyễn Phước Th mượn của một người anh không rõ nhân thân, lai lịch) chở Nguyễn Phước Th đi từ xã A đến và Th cầm theo 01 cây dao tự chế.

- Đỗ Phương N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter không rõ biển số (hiện N đã bán chiếc xe cho người khác) chở Nguyễn Minh Ch không cầm theo hung khí; Trần Đình Huy H điều khiển xe mô tô biển số 72K8-76XX chở Phan Trường V không cầm theo hung khí; Nguyễn Hoàng L điều khiển xe mô tô biển số 72C1-852.XX chở Nguyễn Trường H không cầm theo hung khí; Nguyễn Trần Ng điều khiển xe mô tô biển số 72D1-459.XX chở Lê Tuấn H cầm 01 cây dao tự chế; Lê Anh L điều khiển xe mô tô biển số 72D1-278.80 chở Nguyễn Trung Th không cầm theo hung khí; Vũ Hoàng Ph điều khiển xe mô tô biển số 72D1-206.xx (xe của Cổ Tấn T. H mượn của Lưu Hồ T.Nh là bạn của H) chở Cổ Tấn T.H và Nguyễn Hoàng B.A, H cầm theo 01 cây dao tự chế, B.A cầm theo 01 cây dao tự chế đi từ thành phố B đến.

- Nguyễn Văn Th điều khiển xe mô tô biển số 72F1-488.xx (xe của Đặng Thành H) chở Đặng Thành H cầm theo 02 cây dao tự chế; Huỳnh Thế N điều khiển xe mô tô biển số 72E1-783.xx chở Mã Gia K không cầm theo hung khí; Trần Thanh X điều khiển xe mô tô biển số 72H9-79xx đi một mình không cầm theo hung khí đi từ thị xã P đến.

- Huỳnh Thanh Tr điều khiển xe mô tô biển số 72H1-051.xx chở Phạm Minh Kh và Lê Trọng Ngh cầm theo 01 cây dao tự chế; Huỳnh Trung H điều khiển xe mô tô biển số 72K1-365-xx chở Nguyễn Minh T không cầm theo hung khí; Phạm Hưng G.H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, không rõ biển số (xe của anh Phạm Thái A – cha của H, hiện anh A đã bán chiếc xe cho người khác) chở Huỳnh Quốc Kh và Phạm Văn Nh không cầm hung khí; Ngô Đặng Đức D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, không rõ biển số, xe D mượn của người bạn tên K (không rõ nhân thân lai lịch) đi một mình không cầm hung khí; Trương Bửu Nh điều khiển xe mô tô biển số 72L3-26xx đi một mình không cầm hung khí đi từ huyện Đ đến.

- Trần Thanh H điều khiển xe mô tô biển số 72K1-687.xx chở Lê Hải D và Nguyễn Tấn S không cầm theo hung khí; Lê Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 72K1-574.xx chở Lê Trần Tuấn Th và Phạm Minh Q cầm 01 cây dao phóng lộn; Nguyễn Trọng Ph điều khiển xe mô tô biển số 72K1-361.xx chở Nguyễn Huỳnh A cầm 01 cây dao tự chế; M (chưa rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Tấn M cầm theo 01 cây rựa đi từ thị trấn L đến.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi tất cả những đối tượng trên đi đến khu vực gần Trung tâm Y tế huyện L và Ngã 3 Chợ thuộc xã A thì gặp nhóm người của M và tập hợp lại rồi cùng đi chung với nhau. Lúc này, cả nhóm cùng đi ra hướng Ngã ba Chợ rồi đi đến khu vực ruộng muối thuộc xã A, huyện L tìm nhóm của Linh Nh để đánh nhau. Khi đến nơi, cả nhóm không thấy nhóm của Linh Nh nên tất cả quay lại đi về hướng thành phố B. Trên đường đi cả nhóm chạy xe thành đoàn dài, dàn hàng ngang trên đường, lạng lách, lấn lán, la hét, nẹt pô, bóp kèn, người cầm hung khí thì đưa lên trời làm người đi đường phải

né, nhường đường. Khi đi đến ngã ba Chợ B thì gặp lực lượng Công an nên tất cả điều khiển xe bỏ chạy.

Trong đó: Nguyễn Hữu Tr, Huỳnh Văn G, Lê Trọng Ngh, Cao Quốc C, Nguyễn Đàm Vũ Nh khi bỏ chạy về xã P thì bị Công an xã P phát hiện và mời làm việc. Nguyễn Hoàng B.A, Nguyễn Trung Th, Lê Hải D, Lê Tuấn H, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Trường H, Nguyễn Trần Ng bỏ chạy về hướng B thì bị Công an xã A, Công an thị trấn L phát hiện và mời làm việc.

Sau đó, Cơ quan điều tra đã mời các đối tượng còn lại làm việc. Qua làm việc, Trần M, Cao Quốc C, Lê Tuấn Tr, Dương Hoàn Tr, Nguyễn Hữu Tr, Võ Thành Ph, Nguyễn Văn T, Trần Thanh S, Lê Quang V, Nguyễn Thành Ph, Huỳnh Thanh Tr, Nguyễn Duy T, Nguyễn Minh Ch, Phan Trường V, Trần Đình Huy H, Lê Hải D, Trương Bửu Nh, Đặng Thành H, Đỗ Phương N, Nguyễn Trung Th, Nguyễn Trần Ng, Vũ Hoàng Ph, Nguyễn Trọng Ph, Lê Thanh T, Trần Văn H, Trần Thanh H, Đặng Thái H, Trần Tiến T, Nguyễn Tấn S, Nguyễn Phú Qu, Vương Văn Qu, Nguyễn Đàm V.N, Lê Anh L, Trần Huy H, Mai Văn C, Lưu Quang Tr, Nguyễn Tân M, Nguyễn Huỳnh A, Lê Minh H, Giáp Kim H, Lê Trọng Ngh, Đinh Đức Tr, Nguyễn Minh T, Nguyễn Quang V, Trần Thanh X, Nguyễn Hoàng B.A, Đào Văn H, Huỳnh Thê N, Phạm Minh Q, Vũ Văn T, Huỳnh Bửu T, Nguyễn Văn Th, Trần Văn Th, Lương Bảo Kh, Mã Gia K, Huỳnh Trung H, Vương Quốc B, Huỳnh Quốc Kh, Cồ Tấn T.H, Phạm Minh Kh, Lê Trần Tuấn Th, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Hoàng L, Ngô Đặng Đức D, Huỳnh Văn G, Huỳnh Thanh H, Hồ Văn Ph, Lê Tuấn H, Phạm Văn Nh, Nguyễn Trường H, Phạm Hưng G.H, Nguyễn Phước Th đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ và xử lý gồm:

- 01 cây dao phóng lợn bằng sắt dài 200cm, trên đầu có gắn con dao bầu, cán hình trụ tròn, màu xanh; 01 cây dao phóng lợn bằng sắt dài 219cm, trên đầu có gắn lưỡi dao bầu dài 30cm; 01 cây dao phóng lợn bằng sắt dài 161cm, trên đầu có gắn lưỡi dao bầu dài 20cm; 02 cây dao phóng lợn bằng sắt mỗi cây dài 239cm, trên đầu có gắn lưỡi dao bầu dài 20cm; 01 dao tự chế, lưỡi bằng kim loại, dài 80cm; 01 cây đao tự chế bằng Inox dài 172cm, lưỡi đao dài 77cm; 01 cây ba chĩa bằng kim loại, dài 200cm trên đầu có gắn 03 cây sắt nhọn; 01 cây ba chĩa bằng kim loại, dài 168cm trên đầu có gắn 03 cây sắt nhọn; 01 ống túyp bằng kim loại, dài 218cm; 01 cây dao tự chế, cán bằng kim loại dài 43cm, hình trụ, màu đen lưỡi bằng Inox, dài 50cm; 01 cây dao bằng kim loại, dài 63cm, cán bằng gỗ được quấn băng keo màu đen; 01 cây dao tự chế, bằng kim loại, dài 90cm, cán dao làm bằng ống sắt tròn; 01 cây kiếm tự chế, màu trắng, bằng Inox, dài 60cm, cán bằng gỗ được bọc trong vỏ da màu nâu; 01 cây rựa cán bằng gỗ dài 60cm, lưỡi bằng kim loại dài 29cm.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra tất cả các bị cáo có lai lịch như đã nêu trên đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2022/HSST ngày 21-7-2022 của Tòa án

nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần M, Cao Quốc C, Lê Tuấn Tr, Dương Hoàn Tr, Nguyễn Hữu Tr, Võ Thành Ph, Nguyễn Văn T, Trần Thanh S, Lê Quang V, Nguyễn Thành Ph, Huỳnh Thanh Tr, Nguyễn Duy T, Nguyễn Minh Ch, Phan Trường V, Trần Đình Huy H, Lê Hải D, Trương Bửu Nh, Đặng Thành H, Đỗ Phương N, Nguyễn Trung Th, Nguyễn Trần Ng, Vũ Hoàng Ph, Nguyễn Trọng Ph, Lê Thanh T, Trần Văn H, Trần Thanh H, Đặng Thái H, Trần Tiến T, Nguyễn Tấn S, Nguyễn Phú Qu, Vương Văn Qu, Nguyễn Đàm V.N, Lê Anh L, Trần Huy H, Mai Văn C, Lưu Quang Tr, Nguyễn Tân M, Nguyễn Huỳnh A, Lê Minh H, Giáp Kim H, Lê Trọng Ngh, Đinh Đức Tr, Nguyễn Minh T, Nguyễn Quang V, Trần Thanh X, Nguyễn Hoàng B.A, Đào Văn H, Huỳnh Thế N, Phạm Minh Q, Vũ Văn T, Huỳnh Bửu T, Nguyễn Văn Th, Trần Văn Th, Lương Bảo Kh, Mã Gia K, Huỳnh Trung H, Huỳnh Quốc Kh, Cỏ Tấn T.H phạm tội: “Gây rối trật tự công cộng”.

Về hình phạt:

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 318; điểm s Khoản 1 Điều 51; Các Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

1. Nguyễn Văn T 02 (hai) năm, 7 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.
2. Nguyễn Thành Ph 02 (hai) năm, 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.
3. Phạm Minh Q 02 (hai) năm, 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.
4. Trần Văn Th 02 (hai) năm, 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.
5. Nguyễn Minh Ch 02 (hai) năm, 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.
6. Lê Hải D 02 (hai) năm, 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.
7. Đỗ Phương N 02 (hai) năm, 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.
8. Trần Tiến T 02 (hai) năm, 6 (sáu) tháng tù (được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự). Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 318; điểm s Khoản 1 Điều 51; Các Điều 17, 58, 91, Khoản 1 Điều 101 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

9. Dương Hoàn Tr 01 (một) năm, 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

10. Nguyễn Trần Ng 01 (một) năm, 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

11. Lương Bảo Kh 01 (một) năm, 7 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

12. Giáp Kim H 01 (một) năm, 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

13. Lê Trọng Ng 01 (một) năm, 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

14. Đào Văn H 01 (một) năm, 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

15. Huỳnh Thanh Tr 01 (một) năm, 4 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

16. Trần Đình Huy H 01 (một) năm, 4 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

17. Nguyễn Tấn S 01 (một) năm, 4 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

18. Nguyễn Trung Th 01 (một) năm, 4 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

19. Nguyễn Minh T 01 (một) năm, 4 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

20. Huỳnh Thế N 1 (một) năm, 4 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

21. Mã Gia K 1 (một) năm, 4 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

22. Huỳnh Trung H 01 (một) năm, 4 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

23. Nguyễn Đàm Vũ Nh 01 (một) năm, 3 (ba) tháng tù (được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự). Thời hạn tù tính từ ngày 06/4/2022.

24. Trần Thanh H 01 (một) năm, 2 (hai) tháng tù (được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự). Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

25. Lê Anh L 01 (một) năm, 2 (hai) tháng tù (được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự). Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

26. Huỳnh Quốc Kh 01 (một) năm, 2 (hai) tháng tù (được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự). Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phạt đối với các bị cáo còn lại, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Các bị cáo nêu trên kháng cáo, xin giảm hình phạt và nhiều bị cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm về vụ án: Bản án sơ thẩm đã xét xử về tội danh “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự đối với 26 bị cáo kháng cáo là có căn cứ và đúng pháp luật, mức án đã tuyên phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa, các bị cáo không cung cấp được chứng cứ nào mới làm căn cứ xin giảm hình phạt, hưởng án treo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với 26 bị cáo nêu trên.

Luật sư Vũ Thị Phương Th bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung Th: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ tham gia của bị cáo, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi do bạn bè rủ rê, đã thành khẩn khai báo, lần đầu phạm tội; áp dụng điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Trương Thị Thanh Th bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Huỳnh Thế N phát biểu: các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi do bạn bè rủ rê, đã thành khẩn khai báo, lần đầu phạm tội; tại phiên tòa các bị cáo bổ sung thêm tình tiết gia đình có công với cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Trần Anh D bào chữa cho bị cáo Trần Thanh H và bị cáo Nguyễn Trần Ng phát biểu: các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi do bạn bè rủ rê, đã thành khẩn khai báo, lần đầu phạm tội; bị cáo Ng có đơn xác nhận hoàn cảnh rất khó khăn; hình phạt đối với các bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng chưa triệt để, các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Huỳnh Ngọc H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trần Ng phát biểu: đồng ý với ý kiến của luật sư D, xin bổ sung là hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, mẹ mất, bố bệnh nặng, chị gái có gia đình riêng; chưa gây thiệt hại; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Trần Đức H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đàm V.Nh phát biểu: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ tham gia của bị cáo, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi do bạn bè rủ rê, đã thành khẩn khai báo, lần đầu phạm tội, bố mẹ bị cáo luôn đau ốm bị cáo là người trực tiếp chăm sóc, là lao động chính trong gia đình nên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo đồng ý với lời bào chữa của các luật sư, không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; sau khi nghe quan điểm Kiểm sát viên, luật sư, ý kiến của các bị cáo.

[1] *Về tố tụng*: Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định, phù hợp với qui định của pháp luật về chủ thể kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo. Do vậy, kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng*: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào khoảng 19 giờ đến 19 giờ 30 phút ngày 08/7/2021 Trần M, Lê Quang V, Đào Văn H, Võ Thành Ph, Trần Thanh S, Đặng Thái H, Nguyễn Thành Ph, Nguyễn Quang V, Dương Hoàn Tr, Lưu Quang Tr, Trần Văn H, Vũ Văn T, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Bửu T, Mai Văn C, Trần Văn Th, Nguyễn Duy T, Vương Văn Qu, Vương Quốc B, Trần Tiến T, Nguyễn Đàm V.Nh, Đinh Đức Tr, Lê Tuấn Tr, Trần Huy H, Hồ Văn Ph, 1 thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch), Huỳnh Thanh H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Phú Qu, Nguyễn Hữu Tr, Huỳnh Văn Gi, Cao Quốc C, Lê Minh H và Giáp Kim H cùng nhau chuẩn bị hung khí nguy hiểm gồm dao tự chế, dao phóng lợn, cây ba chĩa... đi trên nhiều xe mô tô tập trung tại khu vực Trường bắn xã P mục đích tìm nhóm của Trần Thị Linh Nh để đánh nhau giải quyết mâu thuẫn. Sau đó, tất cả cùng điều khiển xe mô tô chở nhau và cầm hung khí chạy từ khu vực Trường bắn qua Nghĩa trang K thuộc xã P rồi qua xã T rồi đến khu vực gần Trung tâm Y tế huyện L và Ngã 3 Chợ B thuộc xã A, trên đường đi cả nhóm chạy xe thành đoàn dài, dàn hàng ngang trên đường, lạng lách, lấn làn, la hét, net pô, bóp kèn, người cầm hung khí đưa lên trời làm người đi đường phải né, nhường đường.

Cùng thời điểm trên cũng có nhiều thanh niên chia thành nhiều nhóm từ các nơi đi trên nhiều xe máy di chuyển đến khu vực gần Trung tâm Y tế huyện L và Ngã 3 Chợ B thuộc xã A để tập hợp cùng nhóm Trần M gồm: Lương Bảo Kh, Nguyễn Phước Th, Đỗ Phương N, Nguyễn Minh Ch, Trần Đình Huy H, Phan Trường V, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Trường H, Nguyễn Trần Ng, Lê Tuấn H, Lê Anh L, Nguyễn Trung Th, Vũ Hoàng Ph, Cồ Tấn T.H, Nguyễn Hoàng B.A, Nguyễn Văn Th, Đặng Thành H, Huỳnh Thế N, Mã Gia K, Trần Thanh X; Huỳnh Thanh Tr, Phạm Minh Kh, Lê Trọng Ngh, Huỳnh Trung H, Nguyễn Minh T, Phạm Hưng Gia H, Huỳnh Quốc Kh, Phạm Văn Nh, Ngô Đặng Đức D, Trương Bửu Nh; Trần Thanh H, Lê Hải D, Nguyễn Tấn S, Lê Thanh T, Lê Trần Tuấn Th, Phạm Minh Qu, Nguyễn Trọng Ph, Nguyễn Huỳnh A, M (chưa rõ nhân thân, lai lịch) và Nguyễn Tân M.

Đến khoảng 20 giờ 00, khi tất cả gặp nhau thì thống nhất cùng nhau dùng hung khí nguy hiểm gồm dao tự chế, dao phóng lợn, cây ba chìa... đi trên nhiều xe máy tìm nhóm của Trần Thị Linh Nh để đánh nhau giải quyết mâu thuẫn. Tất cả cùng điều khiển xe mô tô và cầm theo hung khí đi theo hướng ngã ba Chợ B ra đường Tỉnh lộ 44A rồi đến khu vực ruộng muối xã A, huyện L (là nơi hẹn đánh nhau với nhóm của Trần Thị Linh Nh); đến nơi thì nhóm của Trần M không gặp nhóm của Trần Thị Linh Nh nên tất cả cùng quay lại về hướng B và đi đến khu vực ngã ba Chợ B. Trên đường đi cả nhóm chạy xe thành đoàn dài, dàn hàng ngang trên đường, lạng lách, lấn làn, la hét, net pô, bóp kèn, người cầm hung khí đưa lên trời làm người đi đường phải né, nhường đường.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đi qua những nơi công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo:

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Ph, Nguyễn Minh Ch, Lê Hải D, Đỗ Phương N, Trần Tiến T, Phạm Minh Q, Trần Văn Th đều đã trên 18 tuổi, tích cực tham gia. Bị cáo T đã từng bị xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi tàng trữ dao tự chế nhằm gây thương tích cho người khác nhưng không lấy đó làm bài học mà tham gia nhóm đi đánh nhau. Bị cáo T và bị cáo Q thì trực tiếp cầm dao tham gia cùng nhóm đi đánh nhau, la hét cổ vũ trên đường. Bị cáo Nguyễn Đàm V.N tích cực hưởng ứng tham gia nhóm đi đánh nhau, bản thân đã từng bị xử phạt 08 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” mặc dù đã chấp hành xong bản án nhưng không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm, coi thường pháp luật tiếp tục phạm tội. Các bị cáo chạy xe thành đoàn dài, dàn hàng ngang trên đường, lạng lách, lấn làn, la hét, net pô, bóp kèn, người cầm hung khí đưa lên trời làm người đi đường phải né, nhường đường, gây mất an ninh tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh Ch, Lê Hải D, Đỗ Phương N, Trần Tiến T, Phạm Minh Q không cung cấp thêm được tình tiết nào mới làm căn cứ xin giảm hình phạt hoặc được hưởng án treo, vì vậy Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo. Riêng đối với bị cáo Trần Văn Th, Nguyễn Thành Ph tại phiên tòa cung cấp các tài liệu, chứng từ chứng minh gia đình có công với cách mạng nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Th và bị cáo Ph.

Đối với các bị cáo Nguyễn Đàm Vũ Nh, Huỳnh Thanh Tr, Trần Đình Huy H, Nguyễn Tấn S, Lê Trọng Ngh, Đào Văn H, Huỳnh Thế N, Lương Bảo Kh, Mã Gia K, Huỳnh Trung H, Lê Anh L, Giáp Kim H, Nguyễn Trung Th, Trần

Thanh H, Nguyễn Minh T, Huỳnh Quốc Kh đều là người chưa thành niên khi thực hiện hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ tham gia của từng bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Đàm Vũ Nh, Huỳnh Thanh Tr, Lê Trọng Ngh, Đào Văn H, Lương Bảo Kh, Mã Gia K, Huỳnh Trung H, Lê Anh L, Nguyễn Trung Th, Trần Thanh H, Huỳnh Quốc Kh không cung cấp thêm được tình tiết nào mới làm căn cứ xin giảm hình phạt hoặc được hưởng án treo, vì vậy Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Riêng các bị cáo Giáp Kim H, Nguyễn Minh T, Huỳnh Thế , Trần Đình Huy H, Nguyễn Tấn S tại tòa cung cấp các tài liệu, chứng từ chứng minh gia đình có công với cách mạng nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Giáp Kim H, Nguyễn Minh T, Huỳnh Thế N, Trần Đình Huy H, Nguyễn Tấn S.

Đối với bị cáo Dương Hoàn Tr, Nguyễn Trần Ng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ tham gia của các bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo cũng là người chưa thành niên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án đối với các bị cáo là nặng so với các bị khác nên cần giảm một phần mức án cho các bị cáo cho phù hợp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh Ch, Lê Hải D, Đỗ Phương N, Trần Tiến T, Phạm Minh Q, Nguyễn Đàm V.N, Huỳnh Thanh Tr, Lê Trọng Ngh, Đào Văn H, Lương Bảo Kh, Mã Gia K, Huỳnh Trung H, Lê Anh L, Nguyễn Trung Th, Trần Thanh H, Huỳnh Quốc Kh phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Giáp Kim H, Huỳnh Thế N, Nguyễn Minh T, Trần Đình Huy H, Nguyễn Tấn S, Trần Văn Th, Nguyễn Thành Ph, Dương Hoàn Tr, Nguyễn Trần Ng không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh Ch, Lê Hải D, Đỗ Phương N, Trần Tiến T, Phạm Minh Qu, Nguyễn Đàm V.N, Huỳnh Thanh Tr, Lê Trọng Ngh, Đào Văn H, Lương Bảo Kh, Mã Gia K, Huỳnh Trung H, Lê Anh L, Nguyễn Trung Th, Trần Thanh H, Huỳnh Quốc Kh; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 85/2022/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đối với các bị cáo nêu trên.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Giáp Kim H, Huỳnh Thế N, Nguyễn Minh T, Trần Đình Huy H, Nguyễn Tấn S, Trần Văn Th, Nguyễn Thành Ph, Dương Hoàn Tr, Nguyễn Trần Ng; sửa Bản án sơ thẩm số 85/2022/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đối với các bị cáo nêu trên.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Ph, Nguyễn Minh Ch, Lê Hải D, Đỗ Phương N, Trần Tiến T, Phạm Minh Q, Trần Văn Th, Dương Hoàn Tr, Huỳnh Thanh Tr, Trần Đình Huy H, Nguyễn Trung Th, Nguyễn Trần Ng, Trần Thanh H, Nguyễn Tấn S, Nguyễn Đàm V.N, Lê Anh L, Giáp Kim H, Lê Trọng Ngh, Nguyễn Minh T, Đào Văn H, Huỳnh Thế N, Lương Bảo Kh, Mã Gia K, Huỳnh Trung H, Huỳnh Quốc Kh phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

1. Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 7 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Phạm Minh Q 02 (hai) năm, 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Nguyễn Minh Ch 02 (hai) năm, 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4. Lê Hải Dương 02 (hai) năm, 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

5. Đỗ Phương N 02 (hai) năm, 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

6. Nguyễn Thành Ph 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

7. Trần Văn Th 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

8. Trần Tiến T 02 (hai) năm, 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

9. Dương Hoàn Tr 01 (một) năm, 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ

ngày bắt bị cáo chấp hành án.

10. Nguyễn Trần Ng 01 (một) năm, 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

11. Lương Bảo Kh 01 (một) năm, 7 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

12. Lê Trọng Ngh 01 (một) năm, 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

13. Đào Văn H 01 (một) năm, 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

14. Huỳnh Thanh Tr 01 (một) năm, 4 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

15. Nguyễn Trung Th 01 (một) năm, 4 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

16. Mã Gia K 1 (một) năm, 4 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

17. Huỳnh Trung H 01 (một) năm, 4 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

18. Nguyễn Đàm V.N 01 (một) năm, 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/4/2022.

19. Trần Thanh H 01 (một) năm, 2 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

20. Lê Anh L 01 (một) năm, 2 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

21. Huỳnh Quốc Kh 01 (một) năm, 2 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

22. Giáp Kim H 01 (một) năm, 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

23. Nguyễn Minh T 01 (một) năm, 2 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

24. Huỳnh Thế N 01 (một) năm, 2 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

25. Trần Đình Huy H 01 (một) năm, 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

26. Nguyễn Tấn S 01 (một) năm, 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ

ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 85/2022/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh Ch, Lê Hải D, Đỗ Phương N, Trần Tiến T, Phạm Minh Q, Nguyễn Đàm V.N, Huỳnh Thanh Tr, Lê Trọng Ngh, Đào Văn H, Lương Bảo Kh, Mã Gia K, Huỳnh Trung H, Lê Anh L, Nguyễn Trung Th, Trần Thanh H, Huỳnh Quốc Kh mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Các bị cáo Giáp Kim H, Huỳnh Thế N, Nguyễn Minh T, Trần Văn Th, Nguyễn Thành Ph, Dương Hoàn Tr, Nguyễn Trần Ng, Trần Đình Huy H, Nguyễn Tấn S, không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26-12-2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV 27 Công an tỉnh BR-VT;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu: Tòa Hình sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hiếu